TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Long Nhiên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Huỳnh Tâm.
2. Ông Bùi Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1989.
Trú tại: 217/10 đường Đ, thị trấn P, huyện T, tỉnh B. Có mặt
- Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh B. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Trần Văn K tự nguyện tìm hiểu và được gia đình hai bên chấp nhận tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống Việt Nam, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh B vào ngày 11/01/2008.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K thường xuyên uống rượu say về kiếm chuyện rồi đánh đập chị nhiều lần đỉnh điểm vào ngày 11/01/2019 anh K uống rượu về nhà kiếm chuyện rồi dùng cây lau nhà đánh chị làm chị bị gãy xương đòn bên phải; không chịu được chị đã bỏ về nhà cha mẹ ở thị trấn P, huyện T, tỉnh B sinh sống. Từ ngày 11/01/2019 vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan

tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Nguyễn Gia K1 (giới tính nam) sinh ngày 19/8/2008 và Trần Nguyễn Gia K2 (giới tính: nam) sinh ngày 12/7/2013. Khi ly hôn, chị không yêu cầu nuôi con mà giao 02 con chung cho anh K nuôi dưỡng chăm sóc. Vì từ thời điểm vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, 02 con chung do anh K nuôi dưỡng chăm sóc. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết

Tại bản tự khai ngày 06/7/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là anh Trần Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với chị Nguyễn Thị Thu T trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống với nhau. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi Mặc dù đã cho nhau cơ hội để cải sửa tính tình nhưng không ai thay đổi để hòa hợp chung sống. Từ ngày 11/01/2019 đến nay vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhưng anh vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con, vợ anh yêu cầu ly hôn, anh không đồng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Nguyễn Gia K1 (giới tính nam) sinh ngày 19/8/2008 và Trần Nguyễn Gia K2 (giới tính: nam) sinh ngày 12/7/2013. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung đến trưởng thành; anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn (cho ly hôn); về con chung: giao 02 con chung Trần Nguyễn Gia K1 và Trần Nguyễn Gia K2 cho anh Trần Văn K nuôi dưỡng chăm sóc; chị T không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật, ý chí của cháu Trần Nguyễn Gia K1 và là sự tự thỏa thuận của hai đương sự. Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Văn K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh B vào ngày 11/01/2008 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K thường xuyên uống rượu say về kiếm chuyện rồi đánh đập chị nhiều lần và nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên kình cãi, xúc phạm nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hạnh phúc bị tan vỡ. Đến ngày 11/01/2019 chị T về nhà cha mẹ tại thị trấn P, huyện T, tỉnh B sinh sống; vợ chồng đã cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống; bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vợ chồng xa cách đã lâu nhưng anh K vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình; chị T vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn nên yêu cầu đoàn tụ của anh K không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung*:* Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Nguyễn Gia K1 (giới tính nam) sinh ngày 19/8/2008 và Trần Nguyễn Gia K2 (giới tính: nam) sinh ngày 12/7/2013. Hai con chung hiện đang sống chung với do anh K. Khi ly hôn chị T, anh K thống nhất giao 02 con chung cho anh K nuôi dưỡng chăm sóc. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là yêu cầu và nguyện vọng phù hợp với quy định của pháp luật nghị nên chấp nhận.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không ai yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[3] Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006291 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Trần Văn K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Nguyễn Gia K1 (giới tính nam) sinh ngày 19/8/2008 và Trần Nguyễn Gia K2 (giới tính: nam) sinh ngày

12/7/2013. Khi ly hôn anh Trần Văn K được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung đến trưởng thành.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn K không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006291 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị T đã nộp đủ án phí.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Long Nhiên